

TÌM HIỂU QUAN NIỆM CỦA HÊGHEN VỀ XÃ HỘI DÂN SỰ

PHẠM CHIẾN KHU*

Trên Tạp chí Triết học của Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam trong thời gian gần đây đã có một số bài viết đề cập đến chủ đề này¹. Tuy nhiên, có thể khẳng định để hiểu đúng được quan niệm của Hêghen về xã hội dân sự là việc rất khó.

Sự hiểu biết chưa chuẩn xác về quan niệm xã hội dân sự của Hêghen, thông thường là do chúng ta chưa nắm vững được hệ thống các phạm trù triết học của Hêghen, đặc biệt là do sự nhầm lẫn giữa cặp phạm trù "cái phổ quát - cái đặc thù" của ông với cặp phạm trù "cái chung - cái riêng" của chúng ta và không phân biệt được sự khác nhau giữa phạm trù "đạo đức" và phạm trù "luân lý" của ông.

Cặp phạm trù "cái chung - cái riêng" của chúng ta có thể có nguồn gốc từ "Bút ký triết học của Lênin". Khi đọc "Khoa học lô-gic" của Hêghen, Lênin đã dịch cặp phạm trù "cái phổ quát - cái đặc thù" của Hêghen là "cái chung - cái riêng". Các cuốn sách dịch ra tiếng Nga được coi là "chuẩn" sau này đều dịch là "cái phổ quát - cái đặc thù".

Theo Hêghen, trong phản ánh về thế giới hữu cơ, đặc biệt là về xã hội loài người, các cặp (cặp 3) phạm trù như "chất - lượng - độ"; "đồng nhất - khác biệt - căn cứ"... chỉ là những cặp phạm trù thứ yếu. Cặp phạm trù cơ bản để nhận thức về thế giới hữu cơ, cuộc sống là "cái phổ quát - cái đặc thù - cái đơn nhất". "Cái phổ quát" là "cái vô hạn", bao trùm, xuyên suốt mọi "cái đơn nhất" và "cái đặc thù", không bị giới hạn và cũng không tách rời khỏi "cái đơn nhất" và "cái

* TS. Ban Tuyên giáo Trung ương

¹ Trần Tuấn Phong: *Xã hội công dân và xã hội dân sự: Từ Arixtôt đến Hêghen*, Tạp chí Triết học, số 2 năm 2009; Nguyễn Đình Tường, *Quan niệm của Hêghen về xã hội công dân*, Tạp chí Triết học, số 3 năm 2009.

đặc thù"; "cái phổ quát" không phải là "cái chung"¹. "Cái đặc thù" là cái hữu hạn, khâu trung gian, quá độ của "cái phổ quát"; "bản chất" của "cái đặc thù" là sự khác biệt, đối lập. Về mặt xã hội, dưới hình thức phát triển, "cái phổ quát" là Nhà nước pháp quyền (hay Nhà nước chính trị, theo thuật ngữ của Hêghen); "cái đặc thù" là Xã hội dân sự (môi trường để các nhu cầu, lợi ích đặc thù của cá nhân được sinh sôi, nảy nở, phát triển; nơi nhân quyền, quyền tự do cá nhân được khẳng định); "cái đơn nhất" là cá nhân, chủ thể.

Bản chất hai mặt của con người (bao gồm "cái phổ quát", đồng thời cũng bao gồm "cái đặc thù") chỉ có thể trở thành hiện thực nhờ các thực thể luân lý là Gia đình, Xã hội công dân (dân sự) và Nhà nước chính trị. Gia đình, Xã hội dân sự và Nhà nước chính trị, theo Hêghen, đó là các thực thể (cội rễ) luân lý, chứ không phải thực thể đạo đức (phân dưới sẽ làm rõ sự khác nhau giữa phạm trù "đạo đức" và phạm trù "luân lý" trong triết học của Hêghen).

Trong các bài giảng về sự phát triển của lịch sử toàn thế giới, Hêghen đã miêu tả quá trình này như là quá trình phát triển thông qua sự thâm nhập, môi giới lẫn nhau của các phương diện bản chất nói trên của con người: trong giai đoạn phát triển ban đầu của xã hội loài người (thời kỳ phát triển của Nhà nước phong kiến phương Đông), chỉ có "cái phổ quát" (Nhà nước) khẳng định được quyền lực của mình, "cái đặc thù" (lợi ích, nhu cầu, quyền tự do cá nhân, đặc thù), theo cách nói của Hêghen, bị "nhấn chìm" trong "cái phổ quát" (trong quyền lực nhà nước). Đến giai đoạn chủ nô, "cái đặc thù" (nhu cầu, lợi ích, quyền tự do cá nhân) bắt đầu "nhú lên" (chỉ giai cấp chủ nô có được cái quyền này). Thời kỳ đầu của Chủ nghĩa tư bản, cùng với sự ra đời của Xã hội dân sự (sự thừa nhận quyền sở hữu, quyền phát triển và được đáp ứng của hệ thống các nhu cầu cá nhân, đặc thù bằng lao động của chính mình và lao động môi giới của người khác), "cái đặc thù" được giải phóng, phát triển "hết cỡ". Xã hội dân sự là thiết chế, không có nó, "cái đặc thù" (nhu cầu, lợi ích cá nhân đặc thù, nhân quyền) không thể phát triển toàn diện và hết cỡ. Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển ban đầu của Chủ nghĩa tư bản, do chưa có thể chế Nhà nước pháp quyền, cái cá nhân đặc thù trong xã hội dân sự rất dễ rơi vào trạng thái phát triển cực đoan (đi ngược lại lợi ích phổ quát). Sự ra đời của Xã hội dân sự giải phóng sức lao động của con người làm cho xã hội giàu có nhanh chóng, nhưng cũng tạo ra những mâu thuẫn nghiêm trọng: sự phân hoá giàu nghèo; sự tàn bạo trong mối quan hệ giữa người với người (người với người như "chó sói với chó sói")....

Như đã nói ở trên, ngoài cặp phạm trù "cái phổ quát - cái đặc thù - cái đơn nhất", để có thể hiểu được quan niệm của Hêghen về Xã hội dân sự, chúng ta cần phải phân biệt được sự khác nhau giữa phạm trù "đạo đức" và phạm trù

¹ Theo Hêghen, "cái chung" như mọi người thường hiểu, chỉ là một biểu tượng chứ không phải là phạm trù của Tư duy Triết học.

"luân lý" trong triết học của ông. Theo Hêghen, "đạo đức" và "luân lý" là hai phạm trù rất khác nhau; "luân lý" cao hơn "đạo đức", hay nói theo cách nói của ông: "Luân lý là chân lý của đạo đức".

Có thể nói, Hêghen có cả một học thuyết về luân lý¹, ông đã phát triển triết học đạo đức của Kant thành triết học luân lý. Theo Hêghen, đạo đức là bước phát triển quan trọng về tự ý thức của con người. Đạo đức cao hơn nhân quyền (nhân quyền hình thức do Xã hội dân sự đem lại), nhưng đạo đức có hạn chế ở chỗ nó chỉ là sản phẩm của ý thức hệ, thiếu cái khách quan; ý thức hệ khác nhau thì quan niệm thiện, ác, quan niệm đạo đức cũng rất khác nhau, thậm chí rất tùy tiện. Đạo đức đích thực (luân lý) cần có căn cứ là sự đồng nhất của "cái chủ quan" và "cái khách quan". Sự đồng nhất này là bản chất của cái lý. Theo Hêghen, "phàm cái gì hợp lý, cái đó hiện thực, cái gì hiện thực, cái đó hợp lý"; "hiện thực" cao hơn "tồn tại", đó là cái tất yếu. Hiện thân, hiện thực sự đồng nhất của "cái chủ quan" và "cái khách quan" là các thực thể (cội rễ) luân lý: Gia đình, Xã hội dân sự và Nhà nước. Gia đình là sự thống nhất cảm tính giữa "cái chủ quan" và "cái khách quan", giữa bản chất "đặc thù" và bản chất "phổ quát" của con người. Trong Gia đình, cái cá nhân đặc thù bị "hoà tan" bởi tình yêu. Cần có thiết chế đảm bảo sự phát triển của cái cá nhân đặc thù và thiết chế đó chính là Xã hội dân sự. Xã hội dân sự, như chúng ta đã nói ở trên, là nơi cái cá nhân đặc thù được phát triển toàn diện và hết cỡ, nhưng sự phát triển này rất dễ rơi vào tình trạng cực đoan. Cần có thiết chế đảm bảo Xã hội dân sự không rơi vào tình trạng phát triển cực đoan, đó chính là Nhà nước chính trị (pháp quyền). Gia đình, xã hội dân sự là hai nền tảng cơ bản của nhà nước pháp quyền.

Theo Hêghen, xã hội dân sự vận hành theo 2 nguyên lý: 1) Mỗi cá nhân với tư cách là một hệ thống các nhu cầu, sự pha trộn của cái tất yếu tự nhiên và sự tùy tiện là mục đích đặc thù của chính mình; 2) Mỗi cá nhân chỉ thoả mãn được các nhu cầu đặc thù và khẳng định được ý nghĩa của mình trong mối quan hệ với người khác, nhờ sự môi giới của người khác, đó là hình thức của cái phổ quát².

Xã hội dân sự, theo Hêghen, chứa đựng trong nó 3 thành tố:

1) Hệ thống các nhu cầu, sự môi giới nhu cầu và sự thoả mãn nhu cầu của cá nhân bằng lao động của chính mình và bằng lao động và sự thoả mãn các nhu cầu của những người khác.

2) Hệ thống Tư pháp, nhờ nó, "cái phổ quát" được chứa đựng ở đây (quyền tự do, quyền sở hữu) được bảo vệ.

3) Thiết chế cảnh sát và hiệp hội, nhờ nó cái ngẫu nhiên, tùy tiện bị ngăn chặn và lợi ích đặc thù với tư cách là lợi ích chung³ được quan tâm, chú ý.

¹ Hêghen (1990): *Triết học pháp quyền*, Nxb. Tư tưởng, Mátxcova, tr. 200, 279.

² Hêghen (1990): *Triết học pháp quyền*, Nxb. Tư tưởng, Mátxcova, tr. 182, 227, 228.

³ Theo Hêghen, lợi ích đặc thù bao giờ cũng là lợi ích chung (khái niệm "chung" khác với khái niệm "phổ quát").

Hêghen là một trong số các triết gia đặt nền móng cho nguyên tắc phi chính trị hoá lực lượng Cảnh sát, Tư pháp, Quân đội trong các nước tư bản (coi Cảnh sát, Hệ thống Tư pháp là thiết chế của Xã hội dân sự; coi Quân đội là lực lượng hướng ngoại, chỉ có chức năng chống sự xâm lăng từ bên ngoài).

Xã hội dân sự, theo Hêghen, là thiết chế đem lại cho công dân hàng loạt các quyền cơ bản (nhân quyền), trước hết là quyền sở hữu. Tuy nhiên, hệ thống các quyền mà xã hội dân sự mang lại cho con người mới chỉ là hình thức, đứng ở vị trí thấp nhất trong hệ thống Pháp quyền. Trong hệ thống này, cao nhất là quyền của thời đại (lịch sử toàn thế giới), sau đó là quyền của luân lý (Nhà nước) và tiếp theo là quyền của đạo đức, cuối cùng mới là nhân quyền. Hêghen là người bảo vệ lập trường quốc quyền cao hơn nhân quyền.

Xã hội dân sự, theo Hêghen, cũng là nơi diễn ra sự phân hoá về đẳng cấp. Có 3 đẳng cấp chính:

- 1) Đẳng cấp làm ruộng: những người sống nhờ vào nghề làm ruộng (nông dân).
- 2) Đẳng cấp công nghiệp: công nhân; thương gia, dịch vụ....
- 3) Đẳng cấp phổ quát: tầng lớp công chức, những người có nhiệm vụ bảo vệ các lợi ích phổ quát của xã hội.

Gắn liền với sự phân hoá về đẳng cấp là nhu cầu hình thành các hiệp hội (ngày nay thường được gọi là các tổ chức phi chính phủ). Hiệp hội có vai trò giám sát các cơ quan công quyền trong việc đảm bảo các lợi ích chính đáng của các thành viên; kết nạp các thành viên dựa theo chuyên môn và phẩm chất của họ; bảo vệ các thành viên trước sự xâm hại ngẫu nhiên, tùy tiện, đồng thời quan tâm đến việc hoàn thiện các năng lực cần thiết gắn liền với tư cách hội viên của họ. Các tổ chức hiệp hội, theo Hêghen, đó là gia đình thứ hai của con người. Gia đình và hiệp hội là các cội rễ luân lý của Nhà nước. Theo Hêghen, trong giai đoạn phát triển ban đầu của Xã hội dân sự, "cái luân lý", "cái đạo đức đích thực" hầu như bị đẩy ra khỏi cuộc sống xã hội. Hiệp hội chính là thiết chế mang "cái luân lý" trở lại cho Xã hội dân sự¹.

Sự phát triển của các hiệp hội, theo Hêghen, là khâu then chốt để tiến tới Nhà nước pháp quyền.

Gia đình, Xã hội dân sự (giai đoạn các hiệp hội phát triển) và Nhà nước pháp quyền, theo Hêghen, đó là các thực thể (cội rễ) luân lý. Gia đình và Xã hội dân sự là hai lĩnh vực hữu hạn vì nền tảng của Gia đình là cái cảm tính (tình yêu) và nền tảng của xã hội dân sự là cái trí tính (nhận thức được quyền của "cái đặc thù", nhưng chưa nhận thức được sự thống nhất của "cái đặc thù" và "cái phổ quát"). Nhà nước pháp quyền mới là cái thực thể luân lý vô hạn vì nền tảng của nó là cái lý tính (tư duy biện chứng, nhận thức được sự thống nhất của "cái đặc thù" và "cái phổ quát"), nhưng cái thực thể vô hạn này chỉ có được dựa trên hai lĩnh vực hữu hạn nói trên (Gia đình và Xã hội dân sự). Căn cứ tồn tại của Nhà

¹ Hêghen (1990): *Triết học pháp quyền*, Nxb. Tư tưởng, Mátxcova, tr. 249, 274, 255, 277.

nước, theo Hêghen, đó là "cái luân lý". Nói cách khác, vai trò của Nhà nước là đảm bảo sự phát triển hài hoà giữa cái cá nhân và cái xã hội, giữa cái ý chí chủ quan của con người và quy luật phát triển tất yếu khách quan của xã hội. Nhà nước là cái bản chất "phổ quát" của con người. Không có gia đình và nhà nước thì không có luân lý, không có đạo đức. Theo Hêghen, nhà nước tồn tại vĩnh cửu; Nhà nước là sự "chu du" của Thượng đế trong trần gian. Quyền của Nhà nước chỉ thấp hơn quyền của thời đại (quyền của "lịch sử toàn thế giới").

Theo Hêghen, trong số các Nhà nước cụ thể, có Nhà nước "xấu", Nhà nước "tồi", Nhà nước đặc thù cực đoan, nhưng nhà nước đó chỉ tồn tại chứ không hiện thực. Thời đại, "lịch sử toàn thế giới" là vị quan toà giữ thẩm quyền phán quyết đối với nhà nước đó¹.

Không có gì khó bằng đọc triết học của Hêghen. Nếu đọc một vài lần, chúng ta có cảm giác triết học của ông là một loại "sấm", rất khó hiểu và tối nghĩa. Đọc thêm vài lần nữa, chúng ta thấy triết học của ông, nhiều chỗ cũng có lý, nhưng so với tư duy của chúng ta thì tư duy của ông thấp hơn. Khi đã hiểu được triết học của ông, chúng ta mới thấm thía sự đánh giá cao của các nhà tư tưởng lớn, trong đó có Mác và Lênin về triết học của ông.

Nếu không đọc chính các tác phẩm của Hêghen, chúng ta rất dễ tin vào các ý kiến cho rằng Hêghen duy tâm và coi triết học của mình như một thứ gì đó xong xuôi. Tuy nhiên, nếu đọc kỹ các tác phẩm của ông, chúng ta thấy phê phán ông như vậy không dễ. Hêghen là nhà duy tâm khách quan, nhưng quan niệm của ông về Thượng đế không có gì là thần bí. Theo ông, "Thượng đế" là "ý niệm tuyệt đối" và "ý niệm tuyệt đối" chính là con người tự do, nhận thức được và hành động theo cái tất yếu khách quan: "ý niệm tuyệt đối, trước hết đó là sự thống nhất của ý niệm thực tiễn và ý niệm lý luận và do đó, cùng với điều đó, là sự thống nhất của ý niệm cuộc sống và ý niệm nhận thức"².

Đọc các tác phẩm của Hêghen, không thấy chỗ nào ông coi triết học của ông như một cái gì đó xong xuôi, ngược lại, ông khẳng định mỗi trường phái triết học chỉ như là một nấc thang trong cái thang đi đến nhận thức chân lý của nhân loại. Thậm chí ông còn phủ định vai trò đi trước hiện thực cuộc sống của triết học: "Triết học không nên vượt ra khỏi các giới hạn của thời đại; triết học nằm trong lòng thời đại, nhận thức cái hiện tại. Chân lý đích thực không phải là cái quá khứ cũng không phải là cái tương lai"³; "Liên quan đến sự thuyết giáo thế giới cần phải trở nên như thế nào, có thể bổ sung thêm rằng, về điều đó, triết học luôn luôn đến rất muộn. Với tư cách là ý tưởng về thế giới, triết học chỉ xuất hiện sau khi cái hiện thực đã kết thúc quá trình hình thành và đạt được sự hoàn thiện của mình"; ông khuyên triết học nên như con chim cú, chỉ lao ra khi màn đêm (cái hiện thực) xuất hiện: "Khi triết học bắt đầu dùng màu xám tố

¹ Hêghen (1990). *Triết học pháp quyền*, Nxb. Tư tưởng, Mátxcova, tr. 341, 370.

² Hêghen (1974). *Bách khoa toàn thư các khoa học Triết học*, Nxb. Tư tưởng, Mátxcova, tr. 236, 419.

³ Hêghen (1990). *Triết học pháp quyền*, Nxb. Tư tưởng, Mátxcova, tr. 382.

theo màu xám, khi đó một hình thức nào đó của cuộc sống đã trở nên già cỗi, dùng màu xám tô theo màu xám không làm nó trẻ lại, chỉ có thể thấu hiểu; con chim cú Minerva chỉ bắt đầu cất cánh khi màn đêm buông xuống"¹.

Với những điều nói thêm ở đây, chúng ta chỉ muốn khẳng định rằng, cần có nhiều nỗ lực, nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài viết hơn nữa chúng ta mới có thể có được sự hiểu biết đúng đắn và đầy đủ về triết học của Hêghen nói chung, quan niệm của ông về xã hội dân sự nói riêng.

¹ Hêghen (1990): *Triết học pháp quyền*, Nxb. Tư tưởng, Mátxcova, tr. 56.